

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 946/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Thanh Thùy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Nga;

Bà Nguyễn Thị Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 421/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 350/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: E8/233, ấp A, xã Đa P, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Khắc H (vắng mặt).

Địa chỉ: E8/222/2 tổ A, ấp B, xã Đa P, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 13/10/2021, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/01/2022 và lời khai của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị N thì: Bà và ông Huỳnh Khắc H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa P, huyện Bình C,

Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 2000 ngày 24/4/2000. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2020, ông Huỳnh Khắc H thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình, dùng tiền của gia đình để tiêu xài riêng, hoang phí, có quan hệ tình cảm với người khác và đánh đập Bà nên giữa Bà và ông Huỳnh Khắc H phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, việc chung sống với ông Huỳnh Khắc H khiến bà lo sợ, đau khổ nên Bà khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Huỳnh Khắc H.

Về việc nuôi con: Bà và ông Huỳnh Khắc H có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Khắc H, sinh ngày 18/4/2001, giới tính: Nam và Huỳnh Ngọc Diễm P, sinh ngày: 21/7/2002, giới tính: Nữ. Các con chung đều đã thành niên nên Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông Huỳnh Khắc H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Bà và ông Huỳnh Khắc H không nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

Bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Bà.

Bị đơn – ông Huỳnh Khắc H đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nội dung quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, chưa chấp hành nghiêm các quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 2000 do Ủy ban nhân dân xã Đa P, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/4/2000 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N với ông Huỳnh Khắc H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Tuy nhiên, trong quá

trình chung sống, giữa bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Khắc H thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng do tính tình không phù hợp, vợ chồng không có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, bà Nguyễn Thị N không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống với ông Huỳnh Khắc H nên xin ly hôn. Như vậy hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Khắc H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ký hôn ông Huỳnh Khắc H;

Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Khắc H có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Khắc H, sinh ngày 18/4/2001, giới tính: Nam và Huỳnh Ngọc Diễm P, sinh ngày: 21/7/2002, giới tính: Nữ đều đã trưởng thành;

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Khắc H là tranh chấp ly hôn, bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Khắc H đều cư trú tại huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Huỳnh Khắc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên căn cứ Khoản 2, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Khắc H.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 2000 do Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/4/2000 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Khắc H là hợp pháp. Theo Kết quả xác minh ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đa P, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 427/TAHBC ngày 09/3/2022 của Tòa án về việc xác minh tình trạng hôn nhân và trình bày của bà Nguyễn Thị N thì bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Khắc H đã không chung sống từ năm 2021 cho đến nay; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ ông Huỳnh Khắc H đề ông Huỳnh Khắc H trình bày ý kiến, nguyện vọng đối với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N, giải quyết mâu thuẫn và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông Huỳnh Khắc H vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về việc nuôi con: Theo Bản sao Giấy khai sinh số 71, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân phường Hiệp P, huyện Nhà B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/5/2001; Bản sao Giấy khai sinh số 165, quyền số 2002 do Ủy ban nhân dân xã Đa P, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/12/2002; Kết quả xác minh ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đa P, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 427/TAHBC ngày 09/3/2022 của Tòa án về việc xác minh tình trạng hôn nhân và trình bày của bà Nguyễn Thị N thì bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Khắc H có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Khắc H, sinh ngày 18/4/2001, giới tính: Nam và Huỳnh Ngọc Diễm P, sinh ngày: 21/7/2002, giới tính: Nữ đều đã thành niên, bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị N trình bày Bà và ông Huỳnh Khắc H tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điểm a, Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì do bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Huỳnh Khắc H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0040531 ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đương sự được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Đa P, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyễn Thanh Thùy

